



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - KHÓA 2017

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú	
15	17DHKT01	1751200049	NGUYỄN ĐỨC	LƯƠNG	Nam	16/05/1999	3.75	18	8.92	Xuất sắc	97	Xuất sắc	Xuất sắc	5,450,000	140%	7,630,000		
14	17DHKT01	1751200004	PHẠM THẾ	LONG	Nam	18/01/1999	3.72	18	8.56	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	5,450,000	140%	7,630,000		
6	17DHKT01	1751200036	NGUYỄN HỮU	DŨNG	Nam	03/02/1999	3.7	15	8.58	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	4,520,000	120%	5,424,000		
8	17DHKT01	1751200055	NGUYỄN MINH	HÀI	Nam	23/04/1999	3.64	18	8.53	Xuất sắc	89	Tốt	Giỏi	5,450,000	120%	6,540,000		
TỔNG CỘNG																	27,224,000	

Viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn đồng.

TT.HN&TVVL

TP. PHÒNG TCKT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Anh Thy

Nguyễn Thị Hải Hằng



GIAO



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - KHÓA 2018

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tin chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
3	18DHKT01	1851200049	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	21/01/2000	3.75	16	8.87	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	4,130,000	140%	5,782,000	
12	18DHKT01	1851200048	NGUYỄN ĐÌNH THĂNG	Nam	22/07/1998	3.63	16	8.4	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	4,130,000	140%	5,782,000	
11	18DHKT01	1851200021	LÊ PHAN HOÀI PHÚC	Nam	11/01/2000	3.88	16	9.19	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	4,130,000	120%	4,956,000	
10	18DHKT01	1851200032	PHẠM THÀNH PHÚ	Nam	03/10/2000	3.78	16	8.94	Xuất sắc	80	Tốt	Giỏi	4,865,000	120%	5,838,000	
TỔNG CỘNG															22,358,000	

Viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng.

TT.HN&TVVL

TP. PHÒNG TCKT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Anh Thy

Nguyễn Thị Hải Hằng





BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG - KHÓA 2019

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chi	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú	
1	19DHKT01	1951200041	NGUYỄN LÊ MINH		Nam	23/01/2001	3.5	15	8.29	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	4,554,000	120%	5,464,800		
2	19DHKT01	1951200023	PHAN THANH QUANG		Nam	11/09/2001	3.44	16	8.37	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,490,000	120%	5,388,000		
3	19DHKT01	1951200020	LÊ THỊ		Nữ	11/05/2001	3.41	16	7.83	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	5,225,000	120%	6,270,000		
TỔNG CỘNG																	17,122,800	

Viết bằng chữ: Mười bảy triệu một trăm hai mươi hai ngàn tám trăm đồng.

TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

TP. HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020
GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - KHÓA 2017
(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	QLB-K10	1651200020	PHẠM THỊ KHÁNH LINH	Nữ	16/07/1998	4	23	9.64	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	5,750,000	140%	8,050,000	
2	QLB-K10	1651200008	NGUYỄN THANH HẢO	Nữ	06/09/1998	4	23	9.63	Xuất sắc	99	Xuất sắc	Xuất sắc	5,750,000	140%	8,050,000	
3	QLB-K10	1651200006	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	31/01/1998	4	23	9.28	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	5,750,000	140%	8,050,000	
4	QLB-K10	1651200016	ĐINH TÂN HẢO	Nam	14/08/1998	3.96	23	8.78	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	5,750,000	140%	8,050,000	
TỔNG CỘNG															32,200,000	

Viết bằng chữ: Ba mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng.

TT.HN&TVVL

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp. HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020
GIAM ĐỐC
HỌC VIỆN
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - KHÓA 2017

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHKL01	1756060001	HOÀNG THỊ HỒNG VÂN	Nữ	10/08/1999	3.9	24	8.93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	6,000,000	140%	8,400,000	
2	17ĐHKL01	1756060034	NGUYỄN NGỌC MINH UYÊN	Nữ	07/01/1999	3.88	24	8.51	Xuất sắc	98	Xuất sắc	Xuất sắc	6,000,000	140%	8,400,000	
3	17ĐHKL01	1756060011	PHAN THỊ MỸ TRINH	Nữ	09/02/1999	3.85	24	8.65	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	6,000,000	140%	8,400,000	
4	17ĐHKL01	1756060010	KIỀU THỊ KIỀU TRINH	Nữ	03/11/1999	3.65	24	8.43	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	6,000,000	140%	8,400,000	
TỔNG CỘNG															33,600,000	
Viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng.																

TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - KHÓA 2018
(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18ĐHKL01	1856060036	HUỶNH THỊ THÚY	NGÂN	Nữ	22/03/2000	3.87	15	8.6	Xuất sắc	100	Xuất sắc	Xuất sắc	4,235,000	140%	5,929,000	
2	18ĐHKL01	1856060034	CHÂU KIM	DUNG	Nữ	05/03/2000	3.84	16	8.68	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	4,970,000	140%	6,958,000	
3	18ĐHKL01	1856060015	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	Nữ	06/10/2000	3.81	16	8.87	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	4,970,000	140%	6,958,000	
4	18ĐHKL01	1856060033	QUÁCH NGỌC LAN	QUYÊN	Nữ	09/08/2000	3.8	15	8.69	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	4,235,000	140%	5,929,000	
TỔNG CỘNG																25,774,000	
Viết bằng chữ: Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng.																	

TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY - KHÓA 2019

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHKL01	1956060023	TRƯƠNG NHỰT	HÀ	Nữ	18/11/2001	3.83	18	8.89	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	4,945,000	140%	6,923,000	
2	19ĐHKL01	1956060029	NGUYỄN QUỐC	CÔNG	Nam	31/05/2000	3.81	18	8.97	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	4,945,000	140%	6,923,000	
3	19ĐHKL01	1956060009	NGUYỄN BÌNH	LUẬN	Nam	13/12/2001	3.81	18	9.03	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	4,945,000	140%	6,923,000	
TỔNG CỘNG																20,769,000	
Viết bằng chữ: Hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn đồng.																	

TT.HN&TVVL

TP. PHÒNG TCKT

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hà

Nguyễn Thị Anh Thy

Nguyễn Thị Hải Hằng





BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG - KHÓA 2017
(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHĐT02	1753020053	ĐỖ DUY NHẬT	Nam	03/05/1999	3.94	16	9.04	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	5,472,000	140%	7,660,800	
2	17ĐHĐT02	1753020056	NGUYỄN TIẾN ANH	Nam	04/09/1997	3.82	17	9.14	Xuất sắc	92	Xuất sắc	Xuất sắc	5,523,000	140%	7,732,200	
3	17ĐHĐT02	1753020064	PHẠM NGỌC SANG	Nam	06/03/1999	3.69	18	8.63	Xuất sắc	84	Tốt	Giỏi	5,472,000	120%	6,566,400	
4	17ĐHĐT01	1753020031	LƯU THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	14/09/1999	3.62	21	8.5	Xuất sắc	83	Tốt	Giỏi	6,207,000	120%	7,448,400	
5	17ĐHĐT02	1753020076	NGUYỄN THỊ LINH	Nữ	08/08/1999	3.58	18	8.47	Giỏi	100	Xuất sắc	Giỏi	5,472,000	120%	6,566,400	
TỔNG CỘNG															35,974,200	
Viết bằng chữ: Ba mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm đồng.																

TT.HN&TVVL


Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT


Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020



Nguyễn Thị Hải Hằng



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG - KHÓA 2018**

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18ĐHĐT02	1853020054	TRỊNH CÔNG ĐẠT	Nam	23/08/2000	3.63	16	8.73	Xuất sắc	96	Xuất sắc	Xuất sắc	5,865,000	140%	8,211,000	
2	18ĐHĐT02	1853020036	TRỊNH THIÊN NHÂN	Nam	22/01/2000	3.26	19	7.81	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	6,600,000	120%	7,920,000	
3	18ĐHĐT01	1853020030	TRẦN TUẤN TRUNG	Nam	24/09/2000	3.13	16	7.74	Khá	96	Xuất sắc	Khá	5,181,000	100%	5,181,000	
4	18ĐHĐT02	1853020053	NGUYỄN PHƯƠNG PHƯƠNG	Nữ	07/07/2000	2.81	16	7.05	Khá	82	Tốt	Khá	5,865,000	100%	5,865,000	
TỔNG CỘNG															27,177,000	
Viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn đồng.																

TT.HN&TVVL


Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT


Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG - KHÓA 2019
(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHĐT01	1953020011	VŨ QUYẾT	THẮNG	Nam	06/09/1997	3.33	18	8.01	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	6,199,000	120%	7,438,800	
2	19ĐHĐT01	1953020036	LÊ MINH	NHẬT	Nam	07/10/2001	3.09	17	7.54	Khá	90	Xuất sắc	Khá	5,464,000	100%	5,464,000	
3	19ĐHĐT01	1953020025	NGUYỄN YẾN	LINH	Nữ	20/04/2001	2.81	16	7.21	Khá	70	Khá	Khá	4,729,000	100%	4,729,000	
4	19ĐHĐT01	1953020038	NGUYỄN QUANG	HUY	Nam	02/11/2001	2.77	15	7.08	Khá	70	Khá	Khá	4,844,000	100%	4,844,000	
5	19ĐHĐT01	1953020017	TRẦN VŨ LAM	TRƯỜNG	Nam	14/11/2000	2.75	18	7.05	Khá	73	Khá	Khá	6,199,000	100%	6,199,000	
6	19ĐHĐT01	1953020090	ĐẬU THỊ	MỸ	Nữ	06/02/2001	2.63	16	6.98	Khá	81	Tốt	Khá	4,729,000	100%	4,729,000	
TỔNG CỘNG																33,403,800	
Viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu bốn trăm lẻ ba ngàn tám trăm đồng.																	

TT.HN&TVVL


Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT


Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020



Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2017

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	17ĐHQTVT1	1751010033	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	Nam	04/03/1999	3.74	17	8.75	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	4,165,000	140%	5,831,000	
2	17ĐHQTVT5	1751010410	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	Nữ	26/06/1999	3.6	20	8.27	Xuất sắc	89	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
3	17ĐHQTVT4	1751010396	NGUYỄN THANH	GIÀU	Nam	26/10/1998	3.53	17	8.44	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
4	17ĐHQTC	1751010198	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	03/11/1999	3.53	20	8.19	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
5	17ĐHQTTH	1751010320	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	Nữ	17/04/1999	3.5	19	8.17	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
6	17ĐHQTDL	1751010014	LÝ NHẬT	DIỆU	Nam	28/03/1999	3.47	19	8.27	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	4,410,000	120%	5,292,000	
7	17ĐHQTVT1	1751010044	DƯƠNG BẢO KHÁNH	VY	Nữ	12/06/1999	3.47	17	8.11	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
8	17ĐHQTVT4	1751010314	VŨ THỊ BĂNG	SAO	Nữ	18/01/1999	3.44	17	8.18	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
9	17ĐHQTVT1	1751010018	VŨ THỊ NGỌC	HƯỜNG	Nữ	02/04/1999	3.44	17	8.14	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
10	17ĐHQTTH	1751010041	DƯƠNG THẢO	VY	Nữ	16/07/1999	3.43	20	8.02	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
11	17ĐHQTVT2	1751010463	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	23/07/1999	3.41	17	7.84	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
12	17ĐHQTVT4	1751010381	BÙI NHƯ	QUỲNH	Nữ	06/06/1999	3.41	17	8.08	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
13	17ĐHQTDL	1751010333	NGUYỄN HOÀNG MINH	ANH	Nữ	15/11/1999	3.4	15	8.09	Giỏi	96	Xuất sắc	Giỏi	3,675,000	120%	4,410,000	
14	17ĐHQTVT2	1751010185	HỒ BẢO	NGỌC	Nữ	01/08/1999	3.38	20	7.92	Giỏi	99	Xuất sắc	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
15	17ĐHQTVT3	1751010297	NGUYỄN HÙNG	CƯỜNG	Nam	16/03/1999	3.38	17	7.86	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
16	17ĐHQTDL	1751010468	PHAN THỊ KIM	CÚC	Nữ	14/02/1999	3.37	15	8	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	3,675,000	120%	4,410,000	
17	17ĐHQTVT1	1751010143	PHẠM VŨ THÙY	TRANG	Nữ	01/10/1999	3.36	18	7.85	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
18	17ĐHQTC	1751010150	NGÔ TIẾN	QUANG	Nam	07/10/1999	3.36	18	8.02	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
19	17ĐHQTTTH	1751010324	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	27/11/1999	3.36	22	7.9	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
20	17ĐHQTVT1	1751010127	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	15/12/1999	3.35	17	7.93	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
21	17ĐHQTVT4	1751010389	HUỶNH MINH	NGỌC	Nữ	16/05/1999	3.35	17	8.21	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
22	17ĐHQTVT1	1751010049	NGUYỄN HÀ	PHƯƠNG	Nữ	04/10/1999	3.35	17	7.99	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
23	17ĐHQTTTH	1751010193	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	Nữ	20/02/1999	3.34	19	8.13	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
24	17ĐHQTTTH	1751010009	LƯƠNG HOÀNG	NHƯ	Nữ	03/01/1999	3.34	19	7.84	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
25	17ĐHQTDL	1751010383	LÝ NGỌC	TRÂM	Nữ	08/09/1999	3.33	15	7.82	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	2,940,000	120%	3,528,000	
26	17ĐHQTVT1	1751010003	VŨ THỊ THẢO	TRANG	Nữ	18/03/1999	3.32	17	7.84	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
27	17ĐHQTDL	1751010370	NGUYỄN THỊ MINH	THƠ	Nữ	13/06/1999	3.3	15	8.01	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	3,675,000	120%	4,410,000	
28	17ĐHQTTTH	1751010287	LÂM VIỆT	HOÀNG	Nam	06/08/1999	3.29	19	7.76	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
29	17ĐHQTTTH	1751010207	LÊ THỊ THANH	SƯƠNG	Nữ	06/06/1999	3.29	19	7.95	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
30	17ĐHQTVT3	1751010220	CHÂU THỊ ANH	THƯ	Nữ	16/05/1999	3.29	17	7.91	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
31	17ĐHQTVT1	1751010011	NGUYỄN PHƯƠNG	MINH	Nữ	13/12/1999	3.29	17	7.82	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
32	17ĐHQTVT1	1751010453	LÝ NGUYỄN YẾN	LINH	Nữ	28/06/1999	3.28	20	7.79	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
33	17ĐHQTVT4	1751010366	NGUYỄN HỒNG	TUỔI	Nữ	23/04/1999	3.26	17	7.88	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
TỔNG CỘNG																170,471,000	
Viết bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng.																	

TT.HN&TVVL

Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT

Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2018

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

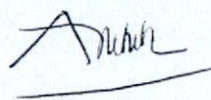
STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	18ĐHQTVT3	1851010200	LÊ ĐẶNG LINH	NHI	Nữ	02/06/2000	3.62	17	8.35	Xuất sắc	91	Xuất sắc	Xuất sắc	4,655,000	140%	6,517,000	
2	18ĐHQTVT4	1851010330	NGUYỄN LÊ NGỌC	THANH	Nữ	26/06/2000	3.71	17	8.56	Xuất sắc	81	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
3	18ĐHQTC1	1851010112	LÊ HẠ	VI	Nữ	08/10/2000	3.62	17	8.24	Xuất sắc	85	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
4	18ĐHQTVT3	1851010107	ĐÔNG THỦY LONG	THỦY	Nữ	18/10/2000	3.59	17	8.42	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
5	18ĐHQTVT1	1851010012	NGUYỄN ĐỖ UYÊN	NHI	Nữ	02/02/2000	3.58	20	8.36	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	5,390,000	120%	6,468,000	
6	18ĐHQTC1	1851010133	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	Nữ	19/01/2000	3.56	17	8.01	Giỏi	95	Xuất sắc	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
7	18ĐHQTVT1	1851010013	DƯƠNG BẢO	TRÂM	Nữ	04/10/2000	3.56	17	8.25	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
8	18ĐHQTC2	1851010227	BÙI THỊ DIỆU	LOAN	Nữ	21/04/2000	3.56	17	8.39	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
9	18ĐHQTC2	1851010298	LÊ TẤN	PHÁT	Nam	22/07/2000	3.53	18	8.41	Giỏi	88	Tốt	Giỏi	5,390,000	120%	6,468,000	
10	18ĐHQTVT2	1851010083	NGÔ NHƯ	QUỲNH	Nữ	15/08/2000	3.53	17	8.02	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
11	18ĐHQTVT3	1851010188	DƯƠNG THỊ	HOA	Nữ	23/04/2000	3.53	17	8.09	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
12	18ĐHQTVT2	1851010119	HỒ THỊ THU	QUÊ	Nữ	16/07/2000	3.5	17	8.26	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
13	18ĐHQTVT2	1851010146	NGUYỄN THỊ	THANH	Nữ	10/05/2000	3.47	15	8.11	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
14	18ĐHQTVT2	1851010070	BÙI THANH	VY	Nữ	08/03/2000	3.47	17	8.21	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
15	18ĐHQTVT1	1851010050	TRẦN VIỆT ÁNH	LINH	Nữ	29/09/2000	3.44	16	8.02	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	3,920,000	120%	4,704,000	
16	18ĐHQTVT4	1851010337	LÊ THỊ QUỲNH	NHI	Nữ	28/03/2000	3.44	17	8.32	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
17	18ĐHQTC1	1851010179	HUỲNH TRẦN NHƯ	Ý	Nữ	23/08/2000	3.43	15	8.18	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
18	18ĐHQTVT1	1851010056	NGUYỄN VĂN	ANH	Nữ	26/04/2000	3.41	16	7.96	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	3,920,000	120%	4,704,000	
19	18ĐHQTDL	1851010271	NGUYỄN VƯƠNG NGỌ	PHƯƠNG	Nữ	16/03/2000	3.41	17	8.06	Giỏi	83	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	

20	18ĐHQTVT2	1851010108	PHAN THỊ NGỌC	GIÀU	Nữ	02/02/2000	3.41	17	7.96	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
21	18ĐHQTC1	1851010150	VŨ ĐĂNG	HIỀN	Nam	01/09/2000	3.41	17	8.25	Giỏi	82	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
22	18ĐHQTVT2	1851010065	NGUYỄN MINH	TRIỀU	Nam	29/05/2000	3.39	18	8.11	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	5,390,000	120%	6,468,000	
23	18ĐHQTVT2	1851010082	HÀNG THANH	TRÚC	Nữ	20/12/2000	3.39	19	8.03	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
24	18ĐHQTVT1	1851010046	LÃ BẢO	NGỌC	Nữ	23/03/2000	3.38	17	7.84	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	4,655,000	120%	5,586,000	
25	18ĐHQTVT2	1851010121	LÊ BÍCH ANH	THƯ	Nữ	20/07/2000	3.38	16	8.11	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	3,920,000	120%	4,704,000	
26	18ĐHQTVT1	1851010008	ĐÀO HẢI	YẾN	Nữ	24/03/2000	3.37	19	7.98	Giỏi	81	Tốt	Giỏi	5,145,000	120%	6,174,000	
27	18ĐHQTVT4	1851010297	TRẦN HOÀNG	ANH	Nam	04/03/2000	3.36	18	7.98	Giỏi	97	Xuất sắc	Giỏi	5,390,000	120%	6,468,000	
TỔNG CỘNG																153,223,000	
Viết bằng chữ: Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng.																	

TT.HN&TVVL


Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT


Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020


GIAM ĐOC
HÀNG KHÔNG
VIỆT NAM
Nguyễn Thị Hải Hằng



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - KHÓA 2019

(Danh sách đính kèm quyết định số 1286/QĐ-HVHK ngày 30 tháng 12 năm 2020)

STT	Lớp học	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm TB hệ 4	Số TC	Điểm TBHT	Xếp loại HT	Điểm RL	Xếp loại RL	XLHB	Học phí/tín chỉ	Tỷ lệ % hưởng	Số tiền thực nhận	Ghi chú
1	19ĐHQT07	1951010312	ĐOÀN HUỖNH ANH	THỨ	Nữ	07/07/2001	3.47	16	8.35	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
2	19ĐHQT02	1951010075	NGUYỄN THÙY NHẬT	DUY	Nữ	24/01/2001	3.44	18	8.22	Giỏi	89	Tốt	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
3	19ĐHQT05	1951010217	HOÀNG NGỌC	THANH	Nữ	23/02/2000	3.44	18	7.99	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
4	19ĐHQT04	1951010200	NGUYỄN THỊ	HÒA	Nữ	08/04/2001	3.4	21	7.98	Giỏi	86	Tốt	Giỏi	6,125,000	120%	7,350,000	
5	19ĐHQT05	1951010227	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	Nữ	27/12/2001	3.39	18	7.89	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
6	19ĐHQT08	1951010366	ĐOÀN THỊ YẾN	NHI	Nữ	20/12/2001	3.37	15	7.95	Giỏi	98	Xuất sắc	Giỏi	4,165,000	120%	4,998,000	
7	19ĐHQT05	1951010215	TRƯƠNG NGỌC	BÍCH	Nữ	14/03/2001	3.28	18	7.79	Giỏi	91	Xuất sắc	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
8	19ĐHQT07	1951010318	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	Nữ	20/05/2001	3.25	18	7.77	Giỏi	85	Tốt	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
9	19ĐHQT04	1951010191	LƯƠNG HÀ TỎ	QUYÊN	Nữ	23/08/2001	3.25	18	7.77	Giỏi	80	Tốt	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
10	19ĐHQT01	1951010015	NGÔ NGỌC MINH	THY	Nữ	21/11/2001	3.22	18	7.63	Giỏi	93	Xuất sắc	Giỏi	4,900,000	120%	5,880,000	
11	19ĐHQT02	1951010416	HÀU TẮC	HIỀN	Nam	16/09/2001	3.47	18	8.12	Giỏi	76	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
12	19ĐHQT03	1951010138	PHÍ THỊ TỎ	NHU	Nữ	12/02/2001	3.44	18	8.11	Giỏi	73	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
13	19ĐHQT08	1951010404	TRẦN THỊ	HOÀI	Nữ	01/06/2001	3.34	19	8.02	Giỏi	76	Khá	Khá	5,635,000	100%	5,635,000	
14	19ĐHQT06	1951010296	NGUYỄN THỊ CẨM	ĐOAN	Nữ	14/09/2001	3.31	18	7.78	Giỏi	70	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
15	19ĐHQT01	1951010001	VƯƠNG TRÍ	KIÊN	Nam	21/06/2001	3.25	18	7.82	Giỏi	78	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
16	19ĐHQT02	1951010056	BÙI HIẾU	LỘC	Nam	25/05/2001	3.25	18	7.87	Giỏi	75	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
17	19ĐHQT05	1951010226	LƯƠNG HOÀNG THỰC	QUYÊN	Nữ	12/06/2001	3.25	18	7.89	Giỏi	73	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	

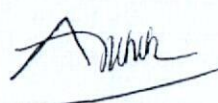
18	19ĐHQ05	1951010222	NGUYỄN NHẬT	PHƯƠNG	Nữ	25/06/2001	3.25	18	7.89	Giỏi	71	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
19	19ĐHQ06	1951010297	NGUYỄN THỊ THU	NGA	Nữ	23/09/2001	3.24	17	7.92	Giỏi	73	Khá	Khá	4,165,000	100%	4,165,000	
20	19ĐHQ04	1951010192	VŨ THỊ BÌNH	MINH	Nữ	21/08/2001	3.18	19	7.64	Khá	72	Khá	Khá	5,635,000	100%	5,635,000	
21	19ĐHQ03	1951010144	TRẦN THỊ THÙY	LINH	Nữ	23/09/2001	3.16	19	7.71	Khá	80	Tốt	Khá	5,635,000	100%	5,635,000	
22	19ĐHQ05	1951010253	TRẦN THẾ	BẢO	Nam	23/01/2001	3.15	17	7.62	Khá	99	Xuất sắc	Khá	4,165,000	100%	4,165,000	
23	19ĐHQ06	1951010302	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	Nữ	25/04/2001	3.15	17	7.77	Khá	81	Tốt	Khá	4,165,000	100%	4,165,000	
24	19ĐHQ04	1951010154	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	Nữ	12/01/2001	3.14	18	7.82	Khá	71	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
25	19ĐHQ04	1951010171	ĐOÀN THỊ VÂN	ANH	Nữ	30/07/2001	3.13	20	7.75	Khá	71	Khá	Khá	5,390,000	100%	5,390,000	
26	19ĐHQ03	1951010109	VŨ NHƯ	QUỲNH	Nữ	15/02/2001	3.11	18	7.66	Khá	85	Tốt	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
27	19ĐHQ04	1951010188	NGUYỄN ĐẶNG NHẬT	HOA	Nữ	06/01/2001	3.11	19	7.29	Khá	78	Khá	Khá	5,635,000	100%	5,635,000	
28	19ĐHQ05	1951010242	NGUYỄN PHAN MINH	THƯ	Nữ	09/04/2001	3.08	18	7.54	Khá	85	Tốt	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
29	19ĐHQ05	1951010218	NGUYỄN LÊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	15/11/2001	3.08	18	7.39	Khá	70	Khá	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
30	19ĐHQ05	1951010255	VŨ THỊ THU	TRANG	Nữ	05/10/2001	3.06	18	7.67	Khá	88	Tốt	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
31	19ĐHQ03	1951010151	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	Nữ	25/09/2001	3.06	18	7.48	Khá	80	Tốt	Khá	4,900,000	100%	4,900,000	
32	19ĐHQ03	1951010132	TRẦN THANH	TỊNH	Nam	17/09/2001	3.06	17	7.44	Khá	80	Tốt	Khá	4,165,000	100%	4,165,000	
TỔNG CỘNG																166,796,000	
Viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi sáu ngàn đồng.																	

TT.HN&TVVL



Nguyễn Thị Hà

TP. PHÒNG TCKT



Nguyễn Thị Anh Thy

Tp.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hải Hằng

